

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HS-ST.

Ngày: 08-5-2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc An.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Bà Trần Thị Hồng Phượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Ngọc Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/HSST-QĐ ngày 06/4/2020; Thông báo dời ngày mở phiên tòa xét xử vụ án Hình sự số 375/TB.TA ngày 20/4/2020 và Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án Hình sự số 402/TB.TA ngày 28/4/2020 đối với bị cáo:

**Bùi Văn L**, sinh năm 1993 tại H.

HKTT: Xóm Cháy, xã L, huyện L, tỉnh H.

Nơi cư trú: Ấp L 3, phường T, thành phố B, Đ. Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Bùi Thị V, sinh năm 1963; bị cáo là con thứ 5 trong gia đình có 05 anh chị; có vợ tên Quách Thị N, sinh năm 1989, có 01 người con sinh năm 2010.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 07/7/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Nhân thân: Ngày 14/01/2014 bị công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ra Quyết định xử phạt 500.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/01/2020 và chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

- *Bị hại:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 12, ấp L 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 12, ấp L 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- Người làm chứng: Chị Mai Thị Huyền, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp L 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bị cáo L có mặt, chị T, anh D, chị H vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 07/01/2019, tại ngã tư thuộc khu Công nghiệp Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, chị Bùi Thị T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, biển số 60B1-339.83 tự té ngã xuống đường. Lúc này chị Mai Thị H là người làm chung công ty với chị T nhờ Bùi Văn L điều khiển xe mô tô biển số 60B1-339.83 chở chị T đi cấp cứu thì L đồng ý. Lúc 09 giờ cùng ngày, khi đến cổng phòng khám đa khoa Thành Tâm thuộc ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, thấy chị H đưa chị T vào phòng cấp cứu nhưng không nói L đưa lại chìa khóa hoặc nhờ giữ xe nên L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 60B1-339.83 của chị T. Sau khi quan sát thấy chị H và chị T đã vào phía trong phòng khám, L liền đẩy xe ra phía ngoài tường rào gần cổng nổ máy xe bỏ chạy trốn và sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi lại. Đến ngày 15/01/2019 L mang xe mô tô biển số 60B1-339.83 đến cửa hàng sửa xe thuộc xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa thì bị chị T phát hiện, đưa L cùng vật chứng đến Công an xã Tam Phước lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành để xử lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 22/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 xe mô tô không biển số, nhãn hiệu Honda Air Blade, số khung 796412, số máy 0897316, màu trắng đỏ đen, đã qua sử dụng trị giá 13.500.000 đồng.

Việc thu giữ, xử lý vật chứng: 01 xe mô tô không có biển số, nhãn hiệu Honda Air Blade số khung 796412, số máy 0897316; 01 biển số 60B1-339.83 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Long Thành đã trả lại cho chị Bùi Thị T vào ngày 25/01/2019.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Bùi Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKSLT ngày 19/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Bùi Văn Lộc về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn L mức án từ 12 tháng tù đến 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn L khai nhận: Lúc 09 giờ ngày 07/01/2019 tại Phòng khám đa khoa Thành Tâm thuộc ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, L có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, biển số 60B1-339.83 trị giá 13.500.000 đồng của chị Bùi Thị T; do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Bùi Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo từng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, sau khi chấp hành xong, bị cáo không tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho bản thân. Sau khi bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội bị cáo lại bỏ trốn, cơ quan cảnh sát điều tra phải truy nã bị cáo một thời gian đã gây khó khăn cho việc điều tra. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên xem xét áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng vụ án: Tài sản bị chiếm đoạt Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho bị hại và bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Bùi Văn L** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Xử phạt bị cáo **Bùi Văn L 01 (một ) năm tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 06/01/2020.

**Về trách nhiệm dân sự:** Không xét.

**Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Công an H. Long Thành (2);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Bị cáo (1); Bị hại (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ LQ đến vụ án (1);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng (6).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc An**